TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 6 - 2021
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ **Ông Lương Phi Hùng**

2/ **Ông Nguyễn Văn Thiên**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Tuyết Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày **18** tháng **6** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn*:** Chị **Trương Thị Thi T**, sinh năm 1990- *có đơn xin vắng mặt.*

Địa chỉ: số 0, khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1984 - *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: tổ 4, ấp H 3, xã Đ, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn là chị Trương Thị Thi T trình bày:* Nguyên vào tháng 11 năm 2012 tôi và anh Nguyễn Văn C có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai bên do mai mối, hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 03 tháng 3 năm 2016. Sau khi cưới chúng tôi về sống chung tại xã Đ, thời gian đầu sống rất hạnh phúc, nhưng gần đây chúng tôi có nhiều mâu

thuẫn như: thường hay cãi nhau, vợ chồng bất đồng ý kiến, anh C không lo làm ăn hay, cuộc sống không có hạnh phúc từ đó chúng tôi sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 âl cho đến nay.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Trương Thảo V, sinh ngày 17/9/2015 và Nguyễn Trương Thảo M, sinh ngày 01/12/2017 hai cháu đang sống với anh C và do anh C quản lý nuôi dưỡng. Khi ly được hôn chị T đồng ý tiếp tục cho anh C được quyền nuôi hai cháu V và M, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, để tự thỏa thuận.

Về nợ phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ý kiến ngày 23/4/2021 của anh Nguyễn Văn C trình bày*: Anh C đã nhận đầy đủ các tài liệu chứng cứ do bên chị T cung cấp và đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh bận công việc nên không thể đến tham dự hòa giải được và xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh C thừa nhận chị Trương Thị Thi T là vợ của anh, anh và chị T tổ chức đám cưới vào tháng 11 năm 2012 hôn nhân là do mai mối, hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 03 tháng 3 năm 2016. Sau khi cưới chúng vợ chồng sinh sống tại xã Đ, thời gian hạnh phúc được 5 năm thì vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Theo anh C nguyên nhân vợ chồng ly thân là do thường hay cãi nhau, vợ chồng bất đồng ý kiến, chị T không quan tâm đến chồng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Thi T.

Về con chung: Anh C khai có 02 con chung: Nguyễn Trương Thảo V, sinh ngày 17/9/2015 và Nguyễn Trương Thảo M, sinh ngày 01/12/2017 hai cháu do anh C đang quản lý và nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, để tự thỏa thuận.

Về nợ phải thu, phải trả: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì đối với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu

chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị Trương Thị Thi T và anh Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[3] Xét mối quan hệ gia đình: Nhận thấy, giữa chị T và anh C có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh, chị có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình; Tòa án đã mời hòa giải nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được xem như hòa giải đoàn tụ không thành. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị Thi T. Cho chị Trương Thị Thi T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp với ý kiến của anh C.

[3.1] Về con chung: Xét thấy, chị T và anh C có 02 con chung là: Nguyễn Trương Thảo V, sinh ngày 17/9/2015 và Nguyễn Trương Thảo M, sinh ngày 01/12/2017. Chị T tự nguyện đồng ý tiếp tục cho anh C được quyền nuôi dưỡng chai cháu V và M, ghi nhận tự tự nguyện giữa chị T với anh Ch. Về cấp dưỡng nuôi 02 con anh C chưa yêu cầu nên chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Thi T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[3.2] Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Thi T phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số

0010732, ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị T không phải nộp thêm.

[5]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Thi T.

Cho chị Trương Thị Thi T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2/ Về con chung: Tiếp tục cho anh anh Chiến được quyền nuôi dưỡng hai cháu: Nguyễn Trương Thảo V, sinh ngày 17/9/2015 và Nguyễn Trương Thảo M, sinh ngày 01/12/2017 hai cháu do anh C quản lý.

Do anh C chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con, nên chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Thi T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết, để tự thỏa thuận, nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết, để tự thỏa thuận, nên không xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Thi T phải chịu số tiền án phí là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010732, ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn chị T, bị đơn anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND TX Bình Minh;*
- *CC THADS TX Bình Minh;*
- *UBND xã Đ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết